

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
VĂN PHÒNG QUỐC GIA VỀ GIẢM NGHÈO

# CẨM NANG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VỀ GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2021-2025



HÀ NỘI - 2023



BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
VĂN PHÒNG QUỐC GIA VỀ GIẢM NGHÈO

**CẨM NANG**  
**CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH**  
**VỀ GIẢM NGHÈO**  
**GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**HÀ NỘI - 2023**



# MỤC LỤC

Trang

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT .....	5
LỜI GIỚI THIỆU .....	6
DANH MỤC VĂN BẢN VỀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2021-2025 ....	7
<b>Phần II: HỎI ĐÁP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 .....</b>	<b>15</b>
Mục I. Nhóm câu hỏi về thực hiện chuẩn nghèo đa chiều.....	17
Mục II. Nhóm câu hỏi về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 .....	24
A - Câu hỏi chung về chương trình.....	24
B - Câu hỏi theo từng dự án, tiểu dự án.....	33
I. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.....	33
II. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo .....	35
III. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng.....	40
IV. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững.....	41
V. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo .....	49
VI. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin.....	51
VII. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình.....	53
Mục III. Nhóm câu hỏi về thực hiện các chính sách giảm nghèo.....	55
<b>SỔ TAY HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ, PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO .....</b>	<b>60</b>
<b>Giới thiệu .....</b>	<b>61</b>
I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN.....	62
1. Khái niệm về sinh kế, mô hình giảm nghèo.....	62
2. Mục tiêu, nội dung, phương thức, đối tượng hỗ trợ.....	62
3. Các nguyên tắc trong thực hiện Dự án.....	64
4. Quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện Dự án.....	64
II. XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN .....	66
1. Xây dựng, phê duyệt dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.....	66

2. Các bước xây dựng, phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ sản xuất cộng đồng ...	67
3. Các bước xây dựng, phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ sản xuất theo nhiệm vụ.....	69
4. Các bước xây dựng, phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ sản xuất đặc thù .....	69
<b>III. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN DỰ ÁN.....</b>	<b>70</b>
1. Bước 1: Chuẩn bị .....	70
2. Bước 2: Khảo sát, lựa chọn đối tượng tham gia Dự án.....	70
3. Bước 3: Bồi dưỡng kiến thức, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật.....	71
4. Bước 4: Tổ chức đấu thầu, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, cây, con giống, vật tư, nguyên liệu... để thực hiện Dự án .....	72
5. Bước 5: Cấp phát cây, con giống, vật tư, nguyên liệu... cho đối tượng tham gia Dự án .....	73
6. Bước 6: Hỗ trợ kỹ thuật cho các đối tượng tham gia Dự án .....	74
7. Bước 7: Kiểm tra, giám sát thực hiện dự án.....	74
8. Bước 8: Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Dự án làm căn cứ nghiệm thu từng phần hoặc toàn bộ Dự án .....	74

## MỤC TIÊU TỔNG QUÁT



GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU, BAO TRÙM, BỀN VỮNG,  
HẠN CHẾ TÁI NGHÈO VÀ PHÁT SINH NGHÈO



HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO, HỘ NGHÈO VƯỢT LÊN MỨC SỐNG TỐI  
THIỆU, TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ CƠ BẢN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG  
CUỘC SỐNG



HỖ TRỢ CÁC HUYỆN NGHÈO, XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN,  
VÙNG BÃI NGANG, VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO THOÁT KHỎI  
TÌNH TRẠNG NGHÈO, ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

## MỤC TIÊU CỤ THỂ

BÌNH QUÂN CẢ NƯỚC  
GIẢM 1,0 - 1,5%

  
GIẢM TỶ LỆ  
HỘ NGHÈO  
(THEO CHUẨN NGHÈO  
ĐA CHIỀU)

HỘ NGHÈO DÂN TỘC THIỂU SỐ  
GIẢM TRÊN 3%

HỘ NGHÈO TẠI CÁC HUYỆN NGHÈO  
GIẢM TỪ 4 - 5%/NĂM

30% XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN,  
BÃI NGANG VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO  
THOÁT KHỎI TÌNH TRẠNG  
ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

## LỜI GIỚI THIỆU

Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với giảm nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư là một trong những định hướng lớn về chính sách xã hội được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Do vậy, bên cạnh các chính sách giảm nghèo thường xuyên gồm: (i) Các chính sách hỗ trợ toàn diện cho người dân như hỗ trợ bảo hiểm y tế; miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ tiền điện, trợ giúp pháp lý; hỗ trợ đào tạo nghề, kết nối việc làm; hỗ trợ nhà ở, nước sạch và vệ sinh; giảm nghèo về thông tin; (ii) Các chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù do Trung ương, địa phương ban hành như chính sách hỗ trợ tiền mặt, lương thực, chăm sóc y tế, hỗ trợ máy tính, dịch vụ internet phục vụ học tập trực tuyến cho trẻ em nghèo; hỗ trợ chi phí nước sinh hoạt; hỗ trợ hộ nghèo thuộc diện đối tượng bảo trợ xã hội; (iii) Chính sách tín dụng được đầu tư cho phát triển sản xuất, tạo sinh kế, tạo việc làm và đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong đời sống của người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 nhằm tạo một hệ thống chính sách đầy đủ, đồng bộ về công tác giảm nghèo để thực hiện thắng lợi mục tiêu tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1-1,5%/năm mà Đảng, Quốc hội, Chính phủ giao và triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững, bao trùm, nhất là khu vực đồng bào dân tộc thiểu số.

Để góp phần tuyên truyền, hỗ trợ trong thực hiện các cơ chế, chính sách về công tác giảm nghèo từ trung ương đến địa phương, Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo tập hợp các văn bản và giải đáp các vướng mắc thường gặp về công tác giảm nghèo trong cuốn "Cẩm nang cơ chế, chính sách về giảm nghèo giai đoạn 2021-2025". Tuy nhiên, do giới hạn về thời gian, nguồn lực, Cẩm nang chỉ tập trung giới thiệu về các nội dung liên quan đến việc hướng dẫn, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, trong quá trình biên soạn không tránh khỏi những sai sót, Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo rất mong nhận được sự góp ý của độc giả, đặc biệt là các công chức, viên chức, người lao động trực tiếp thực hiện công tác giảm nghèo để tiếp tục hoàn thiện Cẩm nang.

Trân trọng giới thiệu./.



# **DANH MỤC VĂN BẢN**

## **VỀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2021-2025**

### **I. VĂN BẢN VỀ CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**1. Nghị định số 07/2021/NĐ-CP** ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

**2. Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg** ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025.

**3. Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH** ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo.

**4. Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH** ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo.

**5. Quyết định số 576/QĐ-LĐTBXH** ngày 18/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

**6. Quyết định số 125/QĐ-LĐTBXH** ngày 22/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020.

**7. Quyết định số 582/QĐ-LĐTBXH** ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu kỳ theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025.

**8. Quyết định số 71/QĐ-LĐTBXH** ngày 19/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025.

## II. VĂN BẢN VỀ HƯỚNG DẪN, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

**1. Nghị quyết số 24/2021/QH15** ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**2. Nghị định số 27/2022/NĐ-CP** ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

**3. Quyết định số 90/QĐ-TTg** ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**4. Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg** ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**5. Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg** ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí huyện nghèo và tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

**6. Quyết định số 1705/QĐ-TTg** ngày 12/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**7. Quyết định số 1945/QĐ-TTg** ngày 18/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

**8. Quyết định số 353/QĐ-TTg** ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

**9. Quyết định số 880/QĐ-TTg** ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025.

**10. Quyết định số 666/QĐ-TTg** ngày 02/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau" giai đoạn 2021-2025.

**11. Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH** ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**12. Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH** ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**13. Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH** ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**14. Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH** ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

**15. Thông tư số 01/2022/TT-BXD** ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**16. Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT** ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**17. Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT** ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**18. Thông tư số 55/2023/TT-BTC** ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

**19. Quyết định số 1768/QĐ-BYT** ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện nội dung "Cải thiện dinh dưỡng" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

### III. VĂN BẢN VỀ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

**1. Chỉ thị số 05-CT/TW** ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030.

**2. Nghị quyết số 160/NQ-CP** ngày 22/12/2021 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030.

**3. Quyết định số 87/QĐ-LĐTBXH** ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Tổ công tác về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**4. Quyết định số 102/QĐ-LĐTBXH** ngày 08/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Thay đổi thành viên thường trực Tổ công tác về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**5. Quyết định số 88/QĐ-TCTCTMTQGGBV** ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành quy chế hoạt động của Tổ công tác về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**6. Quyết định số 314/QĐ-LĐTBXH** ngày 05/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030.

**7. Quyết định số 650/QĐ-LĐTBXH** ngày 21/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt kế hoạch truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**8. Quyết định số 628/QĐ-LĐTBXH** ngày 15/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành kế hoạch giám sát, đánh giá năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**9. Quyết định số 1240/QĐ-LĐTBXH** ngày 13/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**10. Quyết định số 314/QĐ-LDTBXH** ngày 22/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**11. Công văn số 5094/LDTBXH-VPOGGN** ngày 31/12/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn phạm vi, đối tượng phân bổ vốn năm 2021.

**12. Công văn số 2006/LDTBXH-VPOGGN** ngày 15/6/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn phạm vi, đối tượng phân bổ vốn năm 2022.

**13. Công văn số 5339/LDTBXH-VPOGGN** ngày 26/12/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn phạm vi, đối tượng phân bổ vốn năm 2023.

**14. Công văn số 9540/BTC-ĐT** ngày 19/9/2022 của Bộ Tài chính về việc thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

**15. Chương trình phối hợp số 109/CTr-BLDTBXH-MTTQ** ngày 11/01/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

**16. Công văn số 393/LDTBXH-VPOGGN** ngày 16/02/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc xây dựng, triển khai Chương trình phối hợp.

**17. Công văn số 3617/LDTBXH-VL** ngày 19/9/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện Tiểu dự án "Hỗ trợ việc làm bền vững" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 sử dụng vốn đầu tư phát triển.

**18. Công điện số 7/CD-TTg** ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

**19. Công văn số 521/LDTBXH-VPOGGN** ngày 22/02/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc trả lời các vướng mắc trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**20. Công văn số 951/LĐTBXH-VL** ngày 22/3/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc trả lời kiến nghị vướng mắc trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**21. Công văn số 277/LĐTBXH-VPOGGN** ngày 06/02/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đôn đốc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

**22. Công văn số 306/LĐTBXH-VPOGGN** ngày 08/02/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025.

**23. Công văn số 831/LĐTBXH-VPOGGN** ngày 08/03/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đôn đốc, triển khai Kế hoạch hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025.

**24. Công văn số 2770/BTC-NSNN** ngày 27/3/2023 của Bộ Tài chính về việc trả lời vướng mắc trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

**25. Công văn số 2807/BTC-HCSN** ngày 29/3/2023 của Bộ Tài chính về việc trả lời vướng mắc của địa phương về triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

**26. Công văn số 1119/LĐTBXH-VP** ngày 30/3/2023 về việc trả lời kiến nghị, đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

**27. Công văn số 1197/LĐTBXH-TCGDNN** ngày 05/4/2023 về việc giải quyết các vướng mắc trong thực hiện các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

## **IV. VĂN BẢN VỀ CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO THƯỜNG XUYÊN**

**1. Luật Trợ giúp pháp lý** ngày 20/6/2017.

**2. Nghị định số 20/2021/NĐ-CP** ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

**3. Nghị định số 146/2018/NĐ-CP** ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

**4. Nghị định số 61/2015/NĐ-CP** ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm.

**5. Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg** ngày 23/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của **Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg** ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

**6. Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg** ngày 26/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

**7. Quyết định số 02/2021/QĐ-TTg** ngày 21/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của **Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg** ngày 21/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo.

**8. Thông tư số 190/2014/TT-BTC** ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội./.





**CẨM NANG**  
**PHẦN II: HỎI ĐÁP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**  
**GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**Hà Nội, tháng 7 năm 2023**



## **Mục I**

### **NHÓM CÂU HỎI VỀ THỰC HIỆN CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU**

#### **Câu hỏi số 1**

Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều xác định như thế nào?

*Trả lời:*

Theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025: Năm 2021 tiếp tục xác định theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020. Từ năm 2022 được xác định như sau:

- Chuẩn hộ nghèo: khu vực nông thôn là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên; khu vực thành thị là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Chuẩn hộ cận nghèo: khu vực nông thôn là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản; khu vực thành thị là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

#### **Câu hỏi số 2**

Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có được ban hành chuẩn nghèo riêng không?

*Trả lời:*

Theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 4 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, căn cứ điều kiện và khả năng thực tế của địa phương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể nâng tiêu chí thu nhập cao hơn chuẩn nghèo đa chiều quốc gia với điều kiện tự cân đối ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật và bổ sung tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (dịch vụ, chỉ số thiếu hụt), điều chỉnh ngưỡng đo lường các chỉ số thiếu hụt để thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn. Do vậy, các địa phương có quyền ban hành chuẩn nghèo riêng của địa phương mình theo quy định nêu trên.

### **Câu hỏi số 3**

Công tác rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thực hiện như thế nào để bảo đảm chặt chẽ, khách quan, công khai, minh bạch?

*Trả lời:*

Theo quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022- 2025, công tác rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo gồm 6 bước: (1) Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát; (2) Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình; (3) Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát; (4) Niêm yết, thông báo công khai; (5) Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; (6) Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo.

Do vậy, để bảo đảm chặt chẽ, khách quan, công khai, minh bạch, các địa phương cần thực hiện đúng, đầy đủ các bước trên, có sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên tại địa phương. Đồng thời làm tốt công tác lập kế hoạch, tuyên truyền để người dân nắm rõ mục đích, ý nghĩa, các tiêu chí về hộ nghèo, hộ cận nghèo.

### **Câu hỏi số 4**

Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện công tác rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo như thế nào?

*Trả lời:*

Theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Trưởng ban; công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã làm Phó Trưởng Ban Chỉ đạo; công chức được giao nhiệm vụ làm công tác tài chính, y tế, giáo dục, xây dựng, thông tin và truyền thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, các trưởng thôn trên địa bàn và cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội được phân công theo dõi tại xã làm thành viên.

Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm trên các phương tiện truyền thông; chủ động phát hiện hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm để hướng dẫn hộ gia đình đăng ký rà soát.

- Tổ chức lực lượng rà soát viên thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn theo quy định.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả rà soát nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 Quyết định này.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

### **Câu hỏi số 5**

**Hộ gia đình muốn được công nhận là hộ nghèo, hộ cận nghèo thì phải làm gì?**

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025, hộ gia đình cần làm Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 1 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú; cung cấp thông tin của hộ gia đình cho rà soát viên để tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình; tham gia họp dân để thống nhất kết quả rà soát và tham gia ý kiến đối với kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại nơi cư trú (nếu có).

### Câu hỏi số 6

Thực hiện rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo đối với hộ gia đình nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025, chỉ thực hiện rà soát đối với hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát và hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo mẫu quy định.

### Câu hỏi số 7

Trong rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình được xác định như thế nào?

Trả lời:

Tại khoản 1 Mục I Phụ lục IV Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) quy định: hộ gia đình thuộc diện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo là hộ gồm những người cùng đăng ký thường trú hoặc cùng đăng ký tạm trú tại một chỗ ở hợp pháp theo quy định của pháp luật về cư trú.

### Câu hỏi số 8

Tỷ lệ nghèo đa chiều được xác định như thế nào?

Trả lời:

Tỷ lệ nghèo đa chiều được xác định như sau:

Tỷ lệ nghèo đa chiều = Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều + Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều

Trong đó:

$$\text{Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (\%)} = \frac{\text{Tổng số hộ nghèo đa chiều}}{\text{Tổng số hộ dân cư trên địa bàn}} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều (\%)} = \frac{\text{Tổng số hộ cận nghèo đa chiều}}{\text{Tổng số hộ dân cư trên địa bàn}} \times 100$$

### **Câu hỏi số 9**

**Thế nào là hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động?**

*Trả lời:*

Tại Mẫu số 7.8 Phụ lục VII Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) quy định: Hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động là hộ nghèo, hộ cận nghèo không có thành viên trong độ tuổi lao động hoặc có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng mất khả năng lao động.

### **Câu hỏi số 10**

**Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo riêng của các địa phương được hưởng chính sách gì?**

*Trả lời:*

Tại điểm d khoản 7 Điều 4 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021-2025 quy định "Căn cứ điều kiện và khả năng thực tế của địa phương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể nâng tiêu chí thu nhập cao hơn chuẩn nghèo đa chiều quốc gia với điều kiện tự cân đối ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật và bổ sung tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (dịch vụ, chỉ số thiếu hụt), điều chỉnh ngưỡng đo lường các chỉ số thiếu hụt để thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn". Do vậy, hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo của địa phương được hưởng chính sách do địa phương ban hành và bảo đảm thực hiện từ ngân sách của địa phương.

### **Câu hỏi số 11**

Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong xây dựng cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo để kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư?

*Trả lời:*

Tại điểm đ khoản 1 Điều 10 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: *“Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.”*

Tại điểm d khoản 3 Mục IV Điều 1 Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyên đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: *“Thực hiện việc kết nối, tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công của bộ, ngành, địa phương với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh và làm giàu cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành”*.

Do vậy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo; gửi dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bảo đảm đúng tiêu chuẩn, hướng dẫn để xây dựng cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo toàn quốc, phục vụ việc kết nối, tích hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan.

### **Câu hỏi số 12**

Khi thực hiện rà soát, xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo, tại số thứ tự 2.2 Phiếu B2, có quy định *“(Không tính đối tượng thuộc nhóm do ngân sách nhà nước đóng bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế)”*. Như vậy, có phải các đối tượng đang được hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế từ ngân sách nhà nước được hiểu là thiếu hụt bảo hiểm y tế?

*Trả lời:*

Tại điểm 2.2 khoản 2 Mẫu số 3.2. Phiếu B - Thông tin hộ gia đình về các chỉ tiêu nhu cầu xã hội cơ bản quy định *“Không tính đối tượng thuộc nhóm do ngân sách nhà nước đóng bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế”*. Do vậy, trong rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng thuộc nhóm do ngân



sách nhà nước hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế được coi là thiếu hụt chỉ số bảo hiểm y tế.

### **Câu hỏi số 13**

Khi thực hiện rà soát, xác định hộ nghèo, quy định về một số tài sản chủ yếu của hộ gia đình: hộ có 03 con trâu, bò, ngựa với hộ có trên 10 con trâu, bò, ngựa được tính điểm bằng nhau; tương tự đối với hộ có 10 con lợn, dê, cừu với hộ có 100 con lợn, dê, cừu. Việc chấm điểm như vậy có phù hợp không?

#### **Trả lời:**

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội). Trong đó, phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm thu thập thông tin, đặc trưng của hộ gia đình một cách toàn diện, cụ thể; bảo đảm phản ánh khách quan thực trạng nghèo của hộ gia đình. Các thông tin, đặc trưng được quy ước thành điểm và xem xét một cách tổng thể, hệ thống trong mối tương quan logic và khoa học, phù hợp với đặc điểm vùng, miền, xác định khách quan thu nhập và mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình (không chấm điểm theo giá trị từng tài sản).

## Mục II

### NHÓM CÂU HỎI VỀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

#### A - CÂU HỎI CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

##### Câu hỏi số 1

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 có gì mới so với giai đoạn 2016-2020?

*Trả lời:*

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 bổ sung thêm một số nội dung hỗ trợ huyện thoát nghèo, giáo dục nghề nghiệp, việc làm, nhà ở, dinh dưỡng so với giai đoạn 2016-2020. Cụ thể như sau:

a) Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với mục tiêu: Hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo bền vững.

b) Cải thiện dinh dưỡng với mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

c) Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn với mục tiêu: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

d) Hỗ trợ việc làm bền vững với mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

đ) Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo với mục tiêu: hỗ trợ nhà ở cho khoảng 100.000 hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

Ngoài ra, quy định cụ thể hơn trách nhiệm, vai trò của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: (1) cơ quan chủ trì, điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại địa phương; (2) tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2021-2025 và hằng năm.

## **Câu hỏi số 2**

**Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc ban hành cơ chế triển khai thực hiện Chương trình?**

*Trả lời:*

Theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:

a) Phương án phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm; kế hoạch đầu tư vốn, dự toán ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu hằng năm; tổng mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 5 năm từng chương trình (nếu có), chi tiết kế hoạch vốn sự nghiệp trong kế hoạch tài chính, ngân sách nhà nước 3 năm; danh mục dự án đầu tư công trung hạn, hằng năm được đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh (nếu có), hoặc cơ chế phân cấp quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn, hằng năm được đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh (nếu có).

b) Mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

c) Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có); giữa các chương trình, dự án khác trên địa bàn để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

d) Cơ chế huy động các nguồn lực khác quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định này (nếu có).

đ) Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

e) Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không được hỗ trợ từ ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cơ chế, chính sách thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia sử dụng nguồn ngân sách địa phương.”.

2. Quy định cơ chế cấp phát, thanh toán vốn đầu tư công trong thực hiện các chính sách khác theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

3. Ban hành các văn bản tổ chức thực hiện cơ chế đặc thù quy định tại Chương IV Nghị định này:

a) Ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù quy định tại Điều 14 Nghị định này; quyết định hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, áp dụng các thiết kế sẵn có, quy trình bảo trì công trình mẫu đối với các dự án quy định tại Điều 14 Nghị định này.

b) Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án, giám sát thi công công trình.

c) Quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền).

d) Quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình.

4. Ban hành các văn bản tổ chức thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Chương V Nghị định này:

a) Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng (nếu có) theo quy định tại khoản 8 Điều 22 Nghị định này.

b) Hướng dẫn triển khai các quy định trong thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo thẩm quyền.

5. Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn theo quy định; hướng dẫn việc thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện và bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo cấp huyện, Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn tại địa phương.

### **Câu hỏi số 3**

**Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình?**

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 7 Mục VI Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo, thành lập Ban Chỉ đạo chung các chương trình mục tiêu quốc gia và đơn vị giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp theo nguyên tắc, yêu cầu như đối với Ban Chỉ đạo Trung ương. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì, điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại địa phương.

2. Lập, giao kế hoạch mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm; thông báo tổng mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

3. Lập và giao kế hoạch mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư vốn, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm và kế hoạch tài chính, ngân sách nhà nước 03 năm của Chương trình theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác thực hiện Chương trình.

5. Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí.

6. Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cấp và cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

7. Chỉ đạo thực hiện, tổ chức giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá Chương trình theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

#### **Câu hỏi số 4**

**Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc ban hành cơ chế, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 7 Mục VI Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì, điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại địa phương. Do vậy, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và địa phương xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương xây dựng, rà soát tiêu chí, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025; phê duyệt Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn đến năm 2025.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định: định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP).

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, giao kế hoạch mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm; thông báo tổng mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm theo quy định.

6. Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và hằng năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định.

7. Chủ trì xây dựng phương án giao chỉ tiêu phân đầu, nhiệm vụ cụ thể hằng năm, giai đoạn 2021-2025 để thực hiện Chương trình cho các huyện, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

8. Chủ trì hướng dẫn các Sở, ngành liên quan và địa phương thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và hằng năm sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

9. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và địa phương hướng dẫn quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

10. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương; tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

### **Câu hỏi số 5**

**Việc lập, phê duyệt và giao kế hoạch thực hiện mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm của cơ quan chủ quản chương trình ở địa phương thực hiện như thế nào?**

*Trả lời:*

Theo quy định tại khoản 7 Mục VI Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Điều 6 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP), việc lập, phê duyệt và giao kế hoạch thực hiện mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm của cơ quan chủ quản chương trình ở địa phương được quy định như sau:

1. Việc lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm của cơ quan chủ quản chương trình được thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm của các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Căn cứ lập kế hoạch

a) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm của bộ, ngành và địa phương.

b) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm; thông báo của chủ chương trình về mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm của chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Hướng dẫn xây dựng nội dung, hoạt động thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia của chủ chương trình, chủ dự án thành phần.

3. Nội dung kế hoạch

a) Mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 5 năm; nhiệm vụ cụ thể theo dự án thành phần từng chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Khả năng huy động vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, gồm: vốn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương); vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án tại địa phương; vốn tín dụng; vốn huy động hợp pháp khác (nếu có).

c) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương.

d) Nội dung, hoạt động, dự kiến mức vốn bố trí, cơ cấu nguồn vốn theo từng hoạt động; danh mục dự án đầu tư (nếu có).

đ) Giải pháp huy động nguồn vốn, tổ chức thực hiện.

4. Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm, cơ quan chủ quản chương trình phải hoàn thành việc lập, phê duyệt, giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn, thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc.

a) Đối với việc lập kế hoạch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, vốn tự cân đối từ ngân sách cấp tỉnh); tổng mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 5 năm (nếu có) của từng chương trình mục tiêu quốc gia, chi tiết theo cơ cấu vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn trong nước, vốn nước ngoài, vốn hợp pháp khác (nếu có) theo từng dự án thành phần; danh mục dự án đầu tư công trung hạn (bao gồm: Tên dự án, chủ đầu tư, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian thực hiện và các thông tin khác có liên quan).

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm, danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm; thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc.

c) Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định Luật Tổ chức chính quyền địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định danh mục dự án đầu tư công, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 5 năm của chương trình mục tiêu quốc gia phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương.

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, tổng hợp danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm và hằng năm trong giai đoạn 5 năm của cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm và thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm cho các cơ quan, đơn vị, cấp xã trực thuộc.”.



## Câu hỏi số 6

Việc lập, phê duyệt và giao kế hoạch thực hiện mục tiêu quốc gia hằng năm của cơ quan chủ quản chương trình ở địa phương thực hiện như thế nào?

### Trả lời:

Theo quy định tại khoản 7 Mục VI Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Điều 7 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP), việc lập, phê duyệt và giao kế hoạch thực hiện mục tiêu quốc gia giai đoạn hằng năm của cơ quan chủ quản chương trình ở địa phương được quy định như sau:

1. Việc lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm của địa phương thực hiện cùng thời điểm lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

2. Nội dung xây dựng kế hoạch tại các cấp của địa phương

a) Đánh giá kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm thực hiện, khả năng hoàn thành, mục tiêu kế hoạch giai đoạn 5 năm.

b) Dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm kế tiếp theo từng nội dung, dự án thành phần.

c) Dự kiến nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, gồm: Vốn ngân sách nhà nước chi tiết theo cơ cấu chi đầu tư, chi thường xuyên, theo nguồn vốn (bao gồm, vốn đề xuất hỗ trợ từ ngân sách cấp trên, vốn tự cân đối của ngân sách cấp thực hiện); vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác tại địa phương (nếu có); vốn tín dụng (nếu có); vốn huy động hợp pháp khác (nếu có). Riêng lập kế hoạch của cấp tỉnh phải làm rõ mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định từng chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Dự kiến mức vốn bố trí thực hiện từng nội dung, hoạt động, dự án thành phần; danh mục dự án đầu tư (theo quy định về phân cấp của địa phương).

đ) Giải pháp quản lý và tổ chức thực hiện.

3. Căn cứ, trình tự lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm của địa phương thực hiện theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Đối với lập kế hoạch thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia thực hiện của người dân trên địa bàn cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

4. Giao kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm

a) Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đầu tư vốn, dự toán ngân sách trung

ương năm sau của từng chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

b) Ủy ban nhân dân các cấp tại địa phương hoàn thành việc giao mục tiêu, nhiệm vụ; dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư vốn hàng năm chi tiết theo dự án thành phần thuộc từng chương trình, danh mục dự án đầu tư thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc theo quy định Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.

Đối với lập, phê duyệt và giao danh mục dự án đầu tư công thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương, thực hiện theo quy định về phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.”.

### **Câu hỏi số 7**

Cách xác định thế nào là hộ mới thoát nghèo trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025?

*Trả lời:*

Hộ mới thoát nghèo là hộ trước khi rà soát theo quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã đang quản lý tại thời điểm rà soát. Sau khi rà soát các hộ này không đáp ứng quy định chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 và được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận thoát nghèo, thoát cận nghèo tại danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg nêu trên.

Thời gian xác định hộ mới thoát nghèo được xác định trong vòng 36 tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn.

### **Câu hỏi số 8**

Cách xác định thế nào là “người khuyết tật (không có sinh kế ổn định)” trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025?

*Trả lời:*

Người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được hiểu là người khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật, trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động nhưng hiện không có sinh kế tạo thu nhập ổn định.

**B - CÂU HỎI THEO TỪNG DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN**  
**I. DỰ ÁN 1: HỖ TRỢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG KINH TẾ -**  
**XÃ HỘI CÁC HUYỆN NGHÈO, CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG**  
**BÃI NGANG, VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO**

**Câu hỏi số 1**

Vốn đầu tư công trình cơ sở hạ tầng cho huyện nghèo do ngân sách trung ương hỗ trợ được đầu tư những loại công trình nào?

*Trả lời:*

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục III Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, vốn đầu tư ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, thiết yếu trên địa bàn huyện nghèo (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã) phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, gồm:

1. Các công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất.
2. Các công trình giáo dục đạt chuẩn quốc gia.
3. Các công trình y tế đạt chuẩn quốc gia.
4. Các công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân.
5. Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất.
6. Các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao.

7. Các loại công trình xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội khác do cộng đồng nghèo trên địa bàn huyện nghèo đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc dân tộc, văn hóa, nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật, ưu tiên công trình cho các cộng đồng nghèo, công trình có nhiều người nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

**Câu hỏi số 2**

Kinh phí bảo trì công trình cơ sở hạ tầng do ngân sách cấp nào bảo đảm, mức bao nhiêu?

*Trả lời:*

Theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (Thông tư số 46/2022/TT-BTC), kinh phí bảo trì cơ sở hạ tầng do ngân sách trung ương và ngân sách địa phương bảo đảm, ngoài ra, có thể sử dụng kinh phí tham gia của cộng đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 46/2022/TT-BTC: Mức kinh phí duy tu, bảo dưỡng theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với từng công trình duy tu, bảo dưỡng.

### **Câu hỏi số 3**

**Huyện thoát nghèo được xác định như thế nào?**

*Trả lời:*

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025, huyện thoát nghèo được xác định là huyện đang trong danh sách huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 (hoặc Quyết định thay thế, bổ sung khác nếu có), đến cuối năm 2025 được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, đánh giá có điểm dưới 50 điểm theo hệ thống chỉ tiêu của các tiêu chí xác định huyện nghèo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

### **Câu hỏi số 4**

**Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được coi là thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn khi nào?**

*Trả lời:*

Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được coi là thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn khi xã được cấp có thẩm quyền công nhận trở thành phường, thị trấn hoặc đạt chuẩn nông thôn mới. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức rà soát, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

### **Câu hỏi số 5**

**Huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo muốn được công nhận thoát nghèo, thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn cần làm gì?**

*Trả lời:*

- Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025, để công nhận huyện thoát nghèo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức rà soát, đánh giá đối với các huyện nghèo trên địa bàn thời điểm năm 2025

theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025. để công nhận xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát nghèo, thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hằng năm tổ chức rà soát, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được cấp có thẩm quyền công nhận trở thành phường, thị trấn hoặc đạt chuẩn nông thôn mới để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

### **Câu hỏi số 6**

Lựa chọn dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù bảo đảm tiêu chí gì?

*Trả lời:*

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù bao gồm:

1. Thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia.
2. Dự án nằm trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.
3. Tổng mức đầu tư dự án không vượt quá 05 tỷ đồng.
4. Kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện.
5. Thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

## **II. DỰ ÁN 2: ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ, PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO**

### **Câu hỏi số 1**

Có bao nhiêu phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất?

*Trả lời:*

Theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất gồm 4 phương thức: hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ; hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù.

## **Câu hỏi số 2**

Các địa phương thực hiện các phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất nào?

*Trả lời:*

Theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 và Điều 40 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP), các địa phương thực hiện các phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; chỉ được áp dụng cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ đối với các dự án, mô hình thuộc quản lý của địa phương bảo đảm điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23.

## **Câu hỏi số 3**

Các địa phương được thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất giao nhiệm vụ trong trường hợp nào?

*Trả lời:*

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP), các địa phương chỉ áp dụng cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ trong trường hợp đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ theo quy định tại Điều 21, Điều 22 nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc thực hiện các dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.

## **Câu hỏi số 4**

Nội dung hồ sơ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất tại địa phương do cấp nào quy định.

*Trả lời:*

Tại điểm đ khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) quy định; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định

tại Điều 21; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

Do vậy, nội dung hồ sơ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất tại địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.

### **Câu hỏi số 5**

Phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị theo Nghị định 38/2023/NĐ-CP có gì mới so với Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

#### **Trả lời:**

Khoản 12 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP tập trung vào một số nội dung như sau:

1. Bổ sung Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác ngoài lĩnh vực nông nghiệp.

2. Tách riêng quy trình, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết do bộ, cơ quan trung ương thực hiện và do địa phương thực hiện. Trong đó, quy định cụ thể quy trình, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết do bộ, cơ quan trung ương thực hiện.

3. Quy định cụ thể hơn nội dung thẩm định của Hội đồng thẩm định.

4. Quy định cụ thể hơn nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết, trong đó có: phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); phương án tài chính xử lý các rủi ro (nếu có).

5. Quy định cụ thể hơn trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; trách nhiệm của đơn vị chủ trì liên kết và các bên liên kết. Trong đó có lập sổ theo dõi, giám sát việc sử dụng tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có), tổ chức thanh lý, thu hồi tài sản theo quy định (nếu có).

### **Câu hỏi số 6**

Phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP có gì mới so với Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

#### **Trả lời:**

Khoản 13 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP tập trung vào một số nội dung như sau:

1. Quy định cụ thể hơn yêu cầu về mẫu hồ sơ đề xuất dự án, kế hoạch.

2. Sửa đổi lại một số nội dung của quy trình lựa chọn dự án, kế hoạch.

3. Bổ sung quy định về nội dung thẩm định.

4. Quy định cụ thể hơn nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết, trong đó có: phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); phương án tài chính xử lý các rủi ro (nếu có).

5. Quy định cụ thể hơn trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, trong đó có trách nhiệm lập sổ theo dõi, giám sát việc sử dụng tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có), tổ chức thanh lý, thu hồi tài sản theo quy định (nếu có).

6. Quy định cụ thể hơn trách nhiệm của đại diện tổ nhóm cộng đồng và các thành viên, trong đó có trách nhiệm lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tài sản sau hỗ trợ, trích khấu hao tài sản cố định, định kỳ báo cáo cơ quan, đơn vị thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất (nếu có).

7. Quy định cụ thể hơn việc thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án.

### **Câu hỏi số 7**

**Hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng khác khi tham gia mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất của địa phương được hỗ trợ gì?**

*Trả lời:*

Hộ nghèo, hộ cận nghèo khi tham gia mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất của địa phương được hỗ trợ tất cả các nội dung theo quy định tại điểm c Dự án 2 của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm: tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Tại điểm đ khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) quy định; Ủy ban nhân dân có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị, cộng đồng. Do vậy, các đối tượng khác được hỗ trợ theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để bảo đảm mục tiêu hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, nâng cao chất lượng cuộc sống; phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng và đặc thù trên địa bàn.



### **Câu hỏi số 8**

Khi thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất có được mua cây trồng, vật nuôi và những hàng hoá, dịch vụ khác do người dân trực tiếp sản xuất không? Thực hiện như thế nào?

#### **Trả lời:**

Tại điểm khoản 4 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) quy định: Ưu tiên sử dụng giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa, dịch vụ khác do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án. Đơn giá thu mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tính theo giá thị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán với người dân.

Do vậy, khi thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất được phép mua cây trồng, vật nuôi và những hàng hoá, dịch vụ khác do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án. Đơn giá thu mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tính theo giá thị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán với người dân.

### **Câu hỏi số 9**

Một hộ gia đình có được tham gia 02 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất giai đoạn 2021-2025 không?

#### **Trả lời:**

Tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 quy định: Giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, triển khai, thực hiện các nhiệm vụ sau đây: “Xây dựng kế hoạch, cân đối bố trí ngân sách địa phương, phối hợp, lồng ghép với ngân sách trung ương và huy động tối đa các nguồn lực khác để thực hiện Chương trình trên địa bàn, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung hỗ trợ với các Chương trình mục tiêu quốc gia khác trên cùng địa bàn; khuyến khích địa phương có chính sách hỗ trợ, thúc đẩy giảm nghèo bền vững”.

Do vậy, trong cùng giai đoạn 2021-2025, một hộ gia đình không được tham gia 02 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

### **Câu hỏi số 10**

Khi chọn hộ gia đình tham gia mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất cần lưu ý gì?

#### **Trả lời:**

Khi lựa chọn hộ gia đình tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cần lưu ý một số nội dung như sau:

a) Về đối tượng lựa chọn: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định). Ưu tiên hỗ trợ tham gia dự án mô hình giảm nghèo đối với người lao động thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo và hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Về nguyên tắc lựa chọn:

- Đảm bảo công khai, dân chủ, bình đẳng giới.

- Có sự tham gia và cam kết của người dân trong việc xây dựng và thực hiện dự án.

- Phù hợp với điều kiện, đặc điểm, nhu cầu của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người khuyết tật (không có sinh kế ổn định).

### **Câu hỏi số 11**

Khi bàn giao cây giống, con giống hoặc phương tiện sản xuất khác cho hộ gia đình tham gia mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất cần làm gì?

*Trả lời:*

Tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 46/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 quy định: Đối với các dự án, tiểu dự án có nội dung hỗ trợ hộ gia đình, việc hỗ trợ đối với hộ gia đình thực hiện thông qua người đại diện của gia đình là chủ hộ hoặc người đại diện cho hộ gia đình (là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, được ủy quyền bằng văn bản thay mặt gia đình nhận hỗ trợ). Cơ quan được giao nhiệm vụ hỗ trợ thực hiện lập bảng kê hỗ trợ hộ gia đình, trong đó ghi rõ họ và tên, địa chỉ người đại diện hộ gia đình được hỗ trợ; số tiền hỗ trợ hoặc tên, số lượng, thông số kỹ thuật, ký hiệu, nhãn mác, đơn vị sản xuất của loại sản phẩm hiện vật được hỗ trợ; chữ ký (dấu tay điểm chỉ) của người đại diện hộ gia đình được hỗ trợ hoặc xác nhận của tổ chức dịch vụ chi trả (trong trường hợp thanh toán qua tổ chức dịch vụ chi trả) làm chứng từ thanh toán, quyết toán.

## **III. DỰ ÁN 3: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, CẢI THIỆN DINH DƯỠNG**

### **Câu hỏi số 1**

Mục tiêu của tiểu dự án Cải thiện dinh dưỡng giúp khắc phục thiếu hụt chiều nào của hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều gì?

*Trả lời:*

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Mục III nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết

định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, **mục tiêu của tiểu dự án Cải thiện dinh dưỡng** giúp: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo. Theo đó, mục tiêu của tiểu dự án Cải thiện dinh dưỡng giúp cải thiện chỉ số Dinh dưỡng trong dịch vụ Y tế, 01/06 dịch vụ xã hội cơ bản được quy định theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

## **Câu hỏi số 2**

Đối tượng của tiểu dự án Cải thiện dinh dưỡng gồm những ai? Được hỗ trợ những gì?

*Trả lời:*

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Mục III nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đối tượng của tiểu dự án Cải thiện dinh dưỡng gồm:

- Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo;

- Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

## **IV. DỰ ÁN 4: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, VIỆC LÀM BỀN VỮNG**

### **1. Câu hỏi lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp**

#### **Câu hỏi số 1**

Ngân sách trung ương hỗ trợ địa phương thực hiện những hoạt động nào về giáo dục nghề nghiệp?

*Trả lời:*

- Theo quy định tại Tiểu dự án 1 Dự án 4 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và điểm a khoản 1 Điều 8 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: (i) Vốn đầu tư ngân sách trung ương hỗ trợ địa phương về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo; (ii) Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương hỗ trợ địa phương về:

+ Hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo để bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo, trong đó ưu tiên các trường có ngành nghề trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng, địa phương.

+ Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo;

+ Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo;

+ Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo;

+ Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

### **Câu hỏi số 2**

Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho đối tượng nào ở địa phương?

*Trả lời:*

Tại Tiêu dự án 1 Dự án 4 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và điểm a khoản 1 Điều 8 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, vốn ngân sách trung ương hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại địa phương (riêng vốn đầu tư ngân sách trung ương hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo).

### **Câu hỏi số 3**

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện có được hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, một số hạng mục công trình, mua sắm máy móc, trang thiết bị, phương tiện đào tạo từ nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 hay không?

*Trả lời:*

Tại Tiểu dự án 1 Dự án 4 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và điểm a khoản 1 Điều 8 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, vốn đầu tư ngân sách trung ương hỗ trợ địa phương về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo. Do vậy, vốn đầu tư ngân sách trung ương hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Giáo dục nghề nghiệp thì cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp; Trường trung cấp và Trường cao đẳng.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Giáo dục thì cơ sở giáo dục thường xuyên bao gồm: Trung tâm giáo dục thường xuyên; Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; Trung tâm học tập cộng đồng và Trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên.

Do vậy, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện không phải là cơ sở giáo dục nghề nghiệp và không được hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, một số hạng mục công trình, mua sắm máy móc, trang thiết bị, phương tiện đào tạo từ nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

#### **Câu hỏi số 4**

**Người lao động thuộc hộ mới thoát nghèo có được hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp không? Mức hỗ trợ bao nhiêu?**

*Trả lời:*

- Tại Tiểu dự án 1 Dự án 4 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định đối tượng hỗ trợ gồm: Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp.

Do vậy, người thuộc hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ về giáo dục nghề nghiệp.

- Tại Điều 4 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng quy định:

1. Người khuyết tật: Mức tối đa 06 triệu đồng/người/khóa học.

2. Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức tối đa 04 triệu đồng/người/khóa học.

3. Người dân tộc thiểu số, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân: Mức tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học.

4. Người thuộc hộ cận nghèo: Mức tối đa 2,5 triệu đồng/người/khóa học.

5. Người học là phụ nữ, lao động nông thôn không thuộc các đối tượng quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này: Mức tối đa 02 triệu đồng/người/khóa học.

Do vậy, người lao động thuộc hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp, mức tối đa 02 triệu đồng/người/khóa học.

### **Câu hỏi số 5**

Trường cao đẳng kỹ thuật nghề trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo có thuộc đối tượng được hỗ trợ xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao theo quy định điểm a khoản 1 Điều 14 Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 không?

#### **Trả lời:**

Tiểu dự án 1 Dự án 4 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung hỗ trợ gồm: Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo.

Do vậy, đối với chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo cần lựa chọn trên cơ sở quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của vùng, ngành, địa phương theo phạm vi của Chương trình.

Về đơn vị xây dựng, phát triển chương trình, học liệu, đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu, lựa chọn các đơn vị có đủ năng lực, thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ xây dựng chương trình đào tạo bảo đảm chất lượng, tiết kiệm và hiệu quả.

## **Câu hỏi số 6**

Trường Cao đẳng sư phạm thuộc tỉnh có huyện nghèo đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được hỗ trợ, tham gia hoạt động nào của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025?

*Trả lời:*

Trường Cao đẳng sư phạm thuộc tỉnh có huyện nghèo đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, một số hạng mục công trình, mua sắm máy móc, trang thiết bị, phương tiện đào tạo.

Trường hợp bảo đảm các điều kiện theo quy định, được tham gia các hoạt động tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cần xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý theo phạm vi, đối tượng của các Chương trình đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và thực hiện theo quy định. Đồng thời, lựa chọn đơn vị có đủ năng lực để giảng dạy, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp bảo đảm đúng mục tiêu, hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí và đúng đối tượng.

## **2. Câu hỏi lĩnh vực việc làm**

### **Câu hỏi số 7**

Tiểu dự án 3 về: Hỗ trợ việc làm bền vững của Chương trình hỗ trợ những đối tượng nào?

*Trả lời:*

Điểm c khoản 4 Mục III quy định đối tượng áp dụng thực hiện Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ gồm:

- Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;
- Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo;
- Các trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo và cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

### Câu hỏi số 8

Những nội dung nào được sử dụng vốn đầu tư phát triển, nội dung nào được sử dụng vốn sự nghiệp trong thực hiện Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững?

Trả lời:

- Vốn đầu tư phát triển: Thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giao dịch việc làm trực tuyến, xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc.

- Vốn sự nghiệp: Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc; hỗ trợ giao dịch việc làm; thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

### Câu hỏi số 9

Cho biết nội dung xây dựng cơ sở dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025? Cách thức triển khai thực hiện?

Trả lời:

Tiểu dự án 3 Dự án 4 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung hỗ trợ gồm cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu.

Theo Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và hướng dẫn tại Công văn số 3617/LĐTBXH-VL ngày 19/9/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc thực hiện như sau:

#### 1. Về hiện đại hóa thị trường lao động

Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ hiện trạng, nhu cầu của địa phương để đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin (bao gồm cả phần cứng, phần mềm) bảo đảm phục vụ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ thu thập, phân tích, dự báo và phổ biến thông tin thị trường lao động.

#### 2. Về xây dựng sản giao dịch việc làm trực tuyến và cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 586/QĐ-LĐTBXH ngày 30/6/2022 phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Tăng cường kết nối cung - cầu lao động thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ, Quyết định số 913/QĐ-LĐTBXH ngày 05/8/2022 phê duyệt dự án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực việc làm giai đoạn



2021-2025" và Quyết định số 985/QĐ-LĐTBXH ngày 26/8/2021 về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực Bảo hiểm thất nghiệp” trong đó có phần mềm giao dịch việc làm trực tuyến và phần mềm có tính năng thu thập thông tin việc tìm người - người tìm việc thống nhất sử dụng toàn quốc.

Các tỉnh, thành phần trực thuộc trung ương cần căn cứ hiện trạng, nhu cầu của địa phương đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin (phần cứng) bảo đảm phục vụ hoạt động giao dịch việc làm trực tuyến và thu thập, cập nhật, lưu trữ, khai thác, sử dụng dữ liệu thông tin về việc tìm người - người tìm việc.

3. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu người lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cần căn cứ hiện trạng, nhu cầu của địa phương đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin (phần cứng) bảo đảm phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu người lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với việc triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg.

### **Câu hỏi số 10**

Chỉ các Trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo mới được thực hiện Tiêu dự án 3 Dự án 4 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Hiểu như vậy có đúng không?

#### **Trả lời:**

Tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định đối tượng áp dụng gồm:

1. Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.
2. Người lao động sinh sống trên các địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.
3. Trung tâm dịch vụ việc làm.
4. Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo.
5. Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.
6. Cơ quan, tổ chức có liên quan.

Do vậy, Trung tâm dịch vụ việc làm ở tất cả các địa phương đều thuộc đối tượng thực hiện Tiêu dự án 3 Dự án 4 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

### **3. Câu hỏi về việc hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

#### **Câu hỏi số 11**

Trường hợp người lao động đã được hỗ trợ thuộc CTMTQG, sau khi người lao động đi làm việc ở nước ngoài về nước và tiếp tục tham gia học để đi làm việc ở nước khác thì người lao động có được hỗ trợ thuộc CTMTQG ở lần sau hay không?

#### **Trả lời:**

Người lao động được hỗ trợ từ CTMTQG để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để có thu nhập và thoát nghèo. Trường hợp người lao động sau khi về nước mà vẫn thuộc đối tượng của CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 thì được hỗ trợ các nội dung theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 và Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022.

#### **Câu hỏi số 12**

Trường hợp người lao động tham gia khóa đào tạo nghề, ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức đặt hàng, đấu thầu giữa cơ quan lao động – thương binh và xã hội địa phương và tổ chức, doanh nghiệp dịch vụ, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhưng không hoàn thành khóa học hoặc không tiếp tục chương trình đi làm việc ở nước ngoài thì có được thanh quyết toán kinh phí đã đặt hàng đào tạo cho những lao động này không?

#### **Trả lời:**

Đối với các hợp đồng đặt hàng ký với đơn vị, tổ chức để đào tạo, bổ túc nâng cao trình độ ngoại ngữ, nghề cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, khi kết thúc khóa học, hai bên xác định khối lượng công việc hoàn thành làm cơ sở để thanh lý hợp đồng. Hiện nay, trong các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình. Thông tư số 46/2022/TT-BTC, Thông tư 15/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính; Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội không quy định các trường hợp người lao động dừng học giữa chừng hoặc không xuất cảnh sau khi đã hoàn thành khóa đào tạo.

#### **Câu hỏi số 13**

Trường hợp người lao động đã hoàn thành khóa đào tạo, sau khi người lao động đi làm việc ở nước ngoài về nước và tiếp tục tham gia học để đi làm việc ở nước khác thì người lao động có được hỗ trợ thuộc CTMTQG ở lần sau hay không?

#### **Trả lời:**

Đối với việc thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho người lao động khi người lao động đủ điều kiện xuất cảnh: khi nhận được đề nghị hỗ trợ của người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và thuộc đối tượng của CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện hỗ trợ cho người lao động trên cơ sở hóa đơn hoặc biên lai thu tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ do doanh nghiệp dịch vụ hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp; biên lai, hóa đơn khám sức khỏe do bệnh viện đủ điều kiện khám sức khỏe cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài cấp; biên lai hóa đơn của cơ quan có thẩm quyền cấp hộ chiếu, thị thực, lý lịch tư pháp, phù hợp với các quy định về sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước được giao.

#### **Câu hỏi số 14**

Đề nghị hướng dẫn thủ hồ sơ thanh quyết toán đối với trường hợp người lao động đề nghị hỗ trợ từ chương trình khi hoàn thành khóa học, đang trong thời gian xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng?

#### **Trả lời:**

Khi nhận được đề nghị hỗ trợ của người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và thuộc đối tượng của Chương trình, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện hỗ trợ cho người lao động trên cơ sở hóa đơn hoặc biên lai thu tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ do doanh nghiệp dịch vụ hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp; biên lai, hóa đơn khám sức khỏe do bệnh viện đủ điều kiện khám sức khỏe cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài cấp; biên lai, hóa đơn của cơ quan có thẩm quyền cấp hộ chiếu, thị thực, lý lịch tư pháp. Đối với tài liệu liên quan chứng minh người lao động thuộc đối tượng được hỗ trợ, Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ký giữa người lao động và doanh nghiệp hoặc hợp đồng lao động ký giữa chủ sử dụng và người lao động trong trường hợp người lao động giao kết trực tiếp và các hồ sơ quản lý hộ nghèo tại địa phương, căn cước công dân hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác định đối tượng và mức hỗ trợ theo quy định.

### **V. DỰ ÁN 5: HỖ TRỢ NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN NGHÈO**

#### **Câu hỏi số 1**

Đối tượng nào được hỗ trợ nhà ở theo mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025?

#### **Trả lời:**

Theo quy định tại điểm b khoản 5 Mục III nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đối tượng của Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo gồm:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021-2025) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện nghèo và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm;

- Đối tượng thụ hưởng dự án không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, đề án, chính sách khác.

### **Câu hỏi số 2**

**Mức hỗ trợ về nhà ở như thế nào? Nếu không đủ thì làm thế nào?**

*Trả lời:*

Theo quy định Điều 9 Chương I Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo: nhà xây mới 40.000.000 đồng/hộ; sửa chữa nhà 20.000.000 đồng/hộ từ vốn sự nghiệp ngân sách trung ương.

Trường hợp nguồn ngân sách trung ương chưa đủ hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 quy định: “Huy động từ nhiều nguồn vốn để thực hiện, kết hợp giữa Nhà nước và nhân dân cùng làm theo nguyên tắc: Nhà nước hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tự tổ chức xây dựng nhà ở.”.

### **Câu hỏi số 3**

**Hộ nghèo muốn được hỗ trợ về nhà ở cần làm gì?**

*Trả lời:*

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đăng ký nhu cầu hỗ trợ nhà ở sau khi được công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã phối hợp Trưởng thôn tổ chức họp để phổ biến nội dung chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo. Các quy trình tiếp theo được tổ chức thực hiện tại

thôn, xã theo trình tự xây dựng Đề án hỗ trợ nhà ở quy định tại Điều 6 Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

#### **Câu hỏi số 4**

**Trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong triển khai hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo trên địa bàn?**

*Trả lời:*

Theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong triển khai hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo trên địa bàn quy định như sau:

1. Rà soát, thẩm định, tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở trình Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

2. Nghiệm thu, xác nhận khối lượng xây dựng hoàn thành theo giai đoạn (hoàn thành phần móng đối với những hộ nghèo, hộ cận nghèo xây dựng mới hoặc hoàn thành từ 30% khối lượng công việc xây dựng trở lên đối với những hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện sửa chữa nhà ở hiện có) và xác nhận hoàn thành công trình đưa vào sử dụng để làm cơ sở giải ngân vốn hỗ trợ theo quy định;

3. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, giám sát các hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng vốn hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở đúng mục đích, đảm bảo nhà ở phải được xây dựng hoàn chỉnh để đưa vào sử dụng; vận động các tổ chức, đoàn thể như: Mặt trận Tổ quốc, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giúp đỡ các hộ nghèo, hộ cận nghèo xây mới hoặc sửa chữa nhà ở; phát huy cao nhất khả năng huy động nguồn lực từ cộng đồng, các nhà cung ứng vật liệu và hộ gia đình; tận dụng, khai thác vật liệu tại chỗ như cát, đá, sỏi, gỗ theo quy định của pháp luật để đảm bảo giảm giá thành xây dựng nhà ở.

## **VI. DỰ ÁN 6: TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢM NGHÈO VỀ THÔNG TIN**

#### **Câu hỏi số 1**

**Mục tiêu của truyền thông về giảm nghèo là gì?**

*Trả lời:*

- Tại Tiểu dự án 2 Dự án 6 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định mục tiêu truyền thông về giảm nghèo gồm: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn

xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

## **Câu hỏi số 2**

**Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thực hiện truyền thông về giảm nghèo?**

*Trả lời:*

- Tại Tiểu dự án 2 Dự án 6 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn các nội dung sau:

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững;

+ Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo;

+ Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững;

+ Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo;

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới;

+ Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở;

+ Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

Đồng thời, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

## **VII. DỰ ÁN 7: NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH**

### **Câu hỏi số 1**

Mục tiêu và nội dung nâng cao năng lực thực hiện Chương trình?

Trả lời:

Tại Tiểu dự án 2 Dự án 7 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định:

- Mục tiêu nâng cao năng lực thực hiện Chương trình gồm: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

- Nội dung nâng cao năng lực thực hiện Chương trình gồm:

+ Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn;

+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

### **Câu hỏi số 2**

Đơn vị nào chi trả kinh phí (ăn uống, đi lại, ở) cho cán bộ cấp xã tham gia tập huấn, bồi dưỡng về Chương trình do cấp huyện hoặc cấp tỉnh tổ chức?

Trả lời:

Tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 quy định: Nguồn kinh phí được bố trí trong dự toán thực hiện Chương trình của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực (bao gồm cả chi hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại, tiền thuê chỗ nghỉ cho: học viên; cán bộ, công chức, viên chức; người không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp; người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc, tổ dân phố được cử đi học; chi phí phát sinh khi tổ chức đào

tạo, tập huấn, bồi dưỡng dưới hình thức đào tạo từ xa và các khoản chi khác có liên quan).

Do vậy, kinh phí kinh phí (ăn uống, đi lại, ở) cho cán bộ cấp xã tham gia tập huấn, bồi dưỡng về Chương trình do cấp huyện hoặc cấp tỉnh tổ chức do cấp huyện hoặc cấp tỉnh chi trả. Trường hợp cấp huyện hoặc cấp tỉnh không chi trả, trong văn bản thông báo, triệu tập tập huấn, bồi dưỡng về Chương trình cần thông báo rõ để cấp xã chi trả.



### Mục III

## NHÓM CÂU HỎI VỀ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO

### Câu hỏi số 1

Hộ cận nghèo có tiêu chí thu nhập bằng hộ nghèo. Vậy người thuộc hộ cận nghèo có được hưởng chính sách hỗ trợ về học phí như người thuộc hộ nghèo không?

*Trả lời:*

Tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo đã quy định về chính sách miễn, giảm học phí cho trẻ em, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo với các định mức hỗ trợ quy định riêng đối với hộ nghèo và hộ cận nghèo. Cụ thể:

- Khoản 4 Điều 15 về Đối tượng được miễn học phí quy định: “Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.”

- Khoản 12 Điều 15 về Đối tượng được miễn học phí quy định: “Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ”.

- Điểm b khoản 2 Điều 16 về Đối tượng được giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí quy định: “Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ”.

### Câu hỏi số 2

Hộ nghèo, hộ cận nghèo được vay ưu đãi để phát triển sản xuất từ ngân hàng chính sách xã hội không, mức, lãi suất vay?

*Trả lời:*

- Theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ cận nghèo thì hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Các chính sách cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo gồm: cho vay sửa chữa nhà ở; cho vay điện thấp sáng; cho vay nước sạch; cho vay hỗ trợ một phần chi phí học tập cho con em hộ nghèo theo học tại các cấp học phổ thông; cho vay để sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Do vậy, hộ nghèo, hộ cận nghèo được vay ưu đãi để phát triển sản xuất từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Mức cho vay tối đa đối với một hộ nghèo là 100 triệu đồng với mức lãi suất cho vay: 0,55%/tháng (6,6%/năm) và lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay; mức cho vay tối đa đối với một hộ cận nghèo là 100 triệu đồng với mức lãi suất cho vay: 0,66%/tháng (7,92%/năm) và lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.

### Câu hỏi số 3

Hộ nghèo, hộ cận nghèo được vay ưu đãi với mức và lãi suất bao nhiêu để phát triển sản xuất từ ngân hàng chính sách xã hội?

*Trả lời:*

#### 1. Đối với Hộ nghèo

Theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và văn bản số 316/NHCS-KH ngày 02/5/2003 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với hộ nghèo thì hộ nghèo được vay ưu đãi với mức và lãi suất như sau:

##### a) Điều kiện vay vốn

Hộ nghèo có đủ các điều kiện sau:

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi cho vay.
- Có tên trong danh sách hộ nghèo ở xã (phường, thị trấn) sở tại theo chuẩn hộ nghèo do Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.
- Hộ vay không phải thế chấp tài sản và được miễn lệ phí làm thủ tục vay vốn nhưng phải là thành viên Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV), được tổ bình xét, lập thành danh sách đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã.
- Hộ gia đình vay vốn lần đầu thì các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật phải thỏa thuận cử 01 (một) cá nhân trong số các thành viên này đại diện theo ủy quyền để đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH nơi cho vay.

##### b) Mức cho vay

Hiện nay, mức cho vay tối đa là 100 triệu đồng/hộ (theo Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 22/02/2019 của Hội đồng quản trị NHCSXH).

##### c) Lãi suất cho vay

- Lãi suất cho vay: Do Thủ tướng Chính phủ quy định theo từng thời kỳ (Hiện nay, lãi suất cho vay đối với hộ nghèo là 6,6%/năm).

- Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 130% lãi suất cho vay.

d) Thời hạn cho vay

Hiện nay, thời hạn cho vay tối đa là 120 tháng (theo Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 22/02/2019 của Hội đồng quản trị NHCSXH).

Bên cho vay và hộ vay thỏa thuận về thời hạn cho vay căn cứ vào:

- Mục đích sử dụng vốn vay;

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh (đối với cho vay sản xuất, kinh doanh, dịch vụ);

- Khả năng trả nợ của hộ vay;

- Nguồn vốn cho vay của NHCSXH.

đ) Phương thức cho vay

NHCSXH thực hiện phương thức cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh).

2. Đối với Hộ cận nghèo

Theo quy định tại Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ cận nghèo và văn bản số 1003/NHCS-TDNN ngày 12/4/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với hộ cận nghèo thì hộ cận nghèo được vay vốn ưu đãi như sau:

a) Lãi suất cho vay

Lãi suất cho vay ưu đãi đối với hộ cận nghèo bằng 120% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ (theo quy định tại Quyết định số 1826/QĐ-TTg ngày 09/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ).

b) Mức cho vay tối đa; thời hạn cho vay; phương thức cho vay; điều kiện cho vay thực hiện như cho vay đối với hộ nghèo.

#### **Câu hỏi số 4**

Hộ nghèo, hộ cận nghèo cần làm gì để được vay ưu đãi để phát triển sản xuất từ ngân hàng chính sách xã hội?

*Trả lời:*

Theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và văn bản số 316/NHCS-KH ngày 02/5/2003 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã

hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với hộ nghèo, văn bản số 1003/NHCS-TDNN ngày 12/4/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với hộ cận nghèo thì hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu vay cần thực hiện theo các bước sau:

a) Hồ sơ vay vốn do người vay làm (do NHCSXH cấp miễn phí):

Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay Mẫu số 01/TD; Giấy ủy quyền Mẫu số 01/UQ và Sổ vay vốn.

b) Quy trình cho vay:

- Khi có nhu cầu vay vốn, người vay viết Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (Mẫu số 01/TD) và Giấy ủy quyền (Mẫu số 01/UQ), gửi cho Tổ TK&VV nơi khách hàng cư trú.

- Tổ TK&VV cùng tổ chức Hội, đoàn thể, Trưởng thôn (ấp, bản...) tổ chức họp để bình xét theo đúng quy định những hộ đủ điều kiện vay vốn, lập danh sách (Mẫu 03/TD) trình UBND cấp xã xác nhận là đối tượng được vay và cư trú hợp pháp tại xã. Tổ TK&VV gửi hồ sơ đề nghị vay vốn tới Ngân hàng để xem xét phê duyệt. Ngân hàng phê duyệt cho vay và thông báo tới UBND cấp xã (Mẫu 04/TD) để thông báo cho tổ chức Hội, đoàn thể cấp xã và thông báo cho Tổ TK&VV.

- Tổ TK&VV thông báo cho tổ viên/hộ gia đình vay vốn biết danh sách hộ được vay, thời gian và địa điểm giải ngân.

Ngân hàng tiến hành giải ngân trực tiếp cho người vay tại các Điểm giao dịch xã hoặc trụ sở Ngân hàng có sự chứng kiến của các tổ chức chính trị - xã hội, các Tổ TK&VV.

### **Câu hỏi số 5**

**Cháu ở với bác ruột thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có được miễn, giảm học phí không?**

Trả lời:

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo:

*“4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.”*

Như vậy, trường hợp cháu ở với bác ruột thuộc diện hộ nghèo (không phải cha mẹ, ông bà) không thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí.

### Câu hỏi số 6

Hộ nghèo, hộ cận nghèo có được hỗ trợ tiền điện không? Được hỗ trợ tiền điện như thế nào?

*Trả lời:*

- Theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Quyết định số 28/2014/QĐ-TT ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện:

*“6. Hộ nghèo theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định được hỗ trợ tiền điện cho mục đích sinh hoạt, mức hỗ trợ hàng tháng tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành.”*

Do vậy, hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện cho mục đích sinh hoạt, mức hỗ trợ hàng tháng.

- Hộ cận nghèo không thuộc đối tượng được hỗ trợ tiền điện. Trường hợp hộ cận nghèo đáp ứng tiêu chí hộ chính sách xã hội quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện thì hộ gia đình được hỗ trợ tiền điện theo chính sách áp dụng cho hộ chính sách xã hội./

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
VĂN PHÒNG QUỐC GIA VỀ GIẢM NGHÈO**

\*\*\*

**SỔ TAY**

**HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN  
DỰ ÁN ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ, PHÁT TRIỂN  
MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO**

## **Giới thiệu**

Sổ tay Hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Dự án) (sau đây gọi tắt là Sổ tay) để hướng dẫn về quy trình và cách thức tổ chức thực hiện Dự án cho cán bộ quản lý, tổ chức thực hiện ở các cấp (chủ yếu là cấp tỉnh, huyện và xã) thuộc cơ quan chủ chương trình và các cơ quan, đơn vị chủ trì, thực hiện Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Ngoài phần giới thiệu, Sổ tay gồm ba phần chính: Phần thứ nhất giới thiệu một số khái niệm, nội dung, phạm vi, các nguyên tắc, quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện Dự án; phần thứ hai hướng dẫn các bước xây dựng, phê duyệt dự án; phần thứ ba hướng dẫn cụ thể các bước để tổ chức thực hiện Dự án.

Sổ tay hướng dẫn một cách khái quát, có hệ thống quy trình chặt chẽ từ khâu chuẩn bị cho đến tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án. Trong thực tế, Dự án có thể được thực hiện theo nhiều hình thức và nội dung khác nhau. Do vậy, việc sử dụng Sổ tay cần vận dụng một cách linh hoạt để bảo đảm mục tiêu, phù hợp với điều kiện và yêu cầu thực tế.

## I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN

### 1. Khái niệm về sinh kế, mô hình giảm nghèo

#### 1.1. Sinh kế

Theo DFID “Sinh kế là sự tập hợp các nguồn lực và khả năng con người có được kết hợp với những quyết định và hoạt động mà họ thực thi nhằm để kiếm sống cũng như để đạt được các mục tiêu và ước nguyện của họ”.

Theo DFID, sinh kế gồm toàn bộ những hoạt động của con người để đạt được mục tiêu dựa trên những nguồn lực sẵn có của con người như các nguồn tài nguyên thiên nhiên, các nguồn vốn, lao động, trình độ phát triển của khoa học công nghệ.

#### 1.2. Mô hình giảm nghèo

Mô hình giảm nghèo là các hình thức, phương thức, giải pháp hỗ trợ các nguồn lực để người nghèo, cộng đồng nghèo tổ chức các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm tạo việc làm, thu nhập tốt, sinh kế bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống.

#### 1.3. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia là việc sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn cho các đối tượng của chương trình mục tiêu quốc gia và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình, dự án giảm nghèo, tạo thu nhập ổn định và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc đối tượng của chương trình mục tiêu quốc gia.

Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất gồm: Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ; hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù.

## 2. Mục tiêu, nội dung, phương thức, đối tượng hỗ trợ

### 2.1. Mục tiêu

Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm giảm nghèo bền vững thông qua tạo việc làm, sinh kế bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội.

### 2.2. Nội dung Dự án

- Khảo sát, nghiên cứu địa bàn; xác định đối tượng hỗ trợ, nhu cầu và khả năng sẵn sàng tham gia Dự án; Xây dựng, phát triển, nhân rộng Dự án; hỗ trợ



giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng lao động, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh;

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

### **2.3. Các phương thức hỗ trợ**

Có 4 phương thức hỗ trợ là: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển xuất cộng đồng; hỗ trợ sản xuất theo nhiệm vụ; hỗ trợ sản xuất đặc thù.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị là phương thức hỗ trợ thông qua dự án, kế hoạch liên kết do đơn vị chủ trì liên kết hợp tác với các đối tượng liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ theo chuỗi giá trị.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng là phương thức hỗ trợ cộng đồng dân cư thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ do chính cộng đồng dân cư đề xuất và tổ chức thực hiện.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ là phương thức hỗ trợ thông qua đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu lựa chọn cơ quan, đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện hoạt động hỗ trợ người dân sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù là phương thức hỗ trợ thông qua các dự án, mô hình mẫu hoặc các dự án, mô hình gắn phát triển sản xuất với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, bình đẳng giới do bộ, cơ quan trung ương quản lý, tổ chức thực hiện.

### **2.4. Đối tượng hỗ trợ**

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi cả nước; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo. Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia.

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa

học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển Dự án.

### **3. Các nguyên tắc trong thực hiện Dự án**

Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện hoạt động phát triển sản xuất là hỗ trợ có điều kiện; thời gian hỗ trợ theo chu kỳ sản xuất hoặc theo thời hạn đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia. Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình phát triển sản xuất thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện.

Tăng cường huy động vốn tín dụng, vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất. Thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn để thực hiện Dự án.

Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoặc kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; không vượt quá 5% tổng kinh phí được giao để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển xuất.

Ưu tiên sử dụng giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa, dịch vụ khác do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án. Đơn giá thu mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tính theo giá thị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán với người dân.

Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

Thanh toán, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất căn cứ kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ từng năm hoặc giai đoạn.

### **4. Quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện Dự án**

#### **4.1. Quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện Dự án**

Mỗi Dự án có 6 bước cơ bản sau: (1) Thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trên các phương tiện thông tin đại chúng; (2) xây dựng hồ sơ đề xuất Dự án; (3) thẩm định Dự án; (4) phê duyệt Dự án; (5) Tổ chức thực hiện Dự án; (6) báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Dự án.

#### 4.2. Quy trình thực hiện Dự án

Quy trình thực hiện Dự án được gồm 8 bước cơ bản. Tùy điều kiện thực tế, một số bước có thể được rút ngắn hoặc bổ sung về nội dung, thành phần tham gia... Quy trình thực hiện Dự án theo sơ đồ sau:

#### Quy trình thực hiện Dự án

Bước 1	Chuẩn bị: Xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện Dự án
Bước 2	Thông báo, khảo sát, họp thôn/bản/xã lựa chọn đối tượng cụ thể tham gia Dự án
Bước 3	Bồi dưỡng kiến thức, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho các đối tượng tham gia Dự án.
Bước 4	Tổ chức đấu thầu, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, cây, con giống, vật tư, nguyên liệu... để thực hiện Dự án.
Bước 5	Cấp phát cây, con giống, vật tư, nguyên liệu... cho đối tượng tham gia Dự án
Bước 6	Hỗ trợ kỹ thuật cho các đối tượng tham gia Dự án
Bước 7	Kiểm tra, giám sát thực hiện dự án.
Bước 8	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Dự án làm căn cứ nghiệm thu từng phần hoặc toàn bộ Dự án, thanh lý hợp đồng thực hiện Dự án

Lưu ý: các bước thực hiện Dự án trên mang tính chất tương đối; Bồi dưỡng kiến thức, tập huấn, đào tạo chuyển giao kỹ thuật hay hỗ trợ kỹ thuật có thể phân kỳ theo tiến độ thực hiện Dự án, theo thời kỳ sinh trưởng của cây, con giống

hoặc hoạt động cung cấp dịch vụ; hoạt động kiểm tra giám sát có thể được thực hiện trong suốt quá trình thực hiện Dự án.

## **II. XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN**

### **1. Xây dựng, phê duyệt dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

#### **1.1. Bước 1: Thông báo công khai kế hoạch**

Cơ quan chủ quản hoặc cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc cơ quan chủ quản theo ủy quyền thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị.

#### **1.2. Bước 2: Khảo sát, lập hồ sơ đề xuất dự án, kế hoạch**

- Đối với dự án, kế hoạch do bộ, cơ quan trung ương thực hiện, đơn vị chủ trì liên kết xây dựng Hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 Nghị định số 27, gửi bộ, cơ quan trung ương.

- Đối với dự án, kế hoạch do địa phương quản lý, đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

#### **1.3. Bước 3: Thẩm định dự án**

a) Cơ quan chủ quản chương trình theo thẩm quyền thành lập, hoặc giao cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng.

- Thành phần Hội đồng tại bộ, cơ quan trung ương bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo bộ, cơ quan trung ương, hoặc lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan trung ương theo ủy quyền; thành viên là đại diện cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư, tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn trực thuộc và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

- Thành phần Hội đồng tại địa phương bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc lãnh đạo sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo ủy quyền; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện (trường hợp cấp tỉnh thành lập Hội đồng) nơi có dự án, kế hoạch liên kết, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

#### **b) Nội dung thẩm định:**

- Thành phần hồ sơ, thủ tục và các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27;

- Sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết;
- Phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có);
- Các rủi ro, phương án tài chính xử lý rủi ro (nếu có).

#### 1.4. Bước 4: Phê duyệt dự án

##### a) Căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định:

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý của cơ quan trung ương.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

b) Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết phải bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; tên đơn vị chủ trì liên kết, các bên liên kết; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của đơn vị chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng nội dung, hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia; tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); phương án tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

## **2. Các bước xây dựng, phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ sản xuất cộng đồng**

### 2.1. Bước 1: Thông báo rộng rãi kế hoạch

Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản

xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

## 2.2. Bước 2: Xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án

Cộng đồng dân cư xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, dịch vụ gửi cơ quan, đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất. Hồ sơ đề xuất thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

## 2.3. Bước 3: Thẩm định dự án

a) UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, dịch vụ và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định.

Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Thủ trưởng phòng chuyên môn trực thuộc theo ủy quyền; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng; đại diện cơ quan tài chính, đầu tư và phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu cần thiết).

b) Nội dung thẩm định:

- Việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 NĐ 27;
- Sự cần thiết thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ;
- Phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi sử dụng vốn nguồn ngân sách nhà nước (nếu có).

## 2.4. Bước 4: Phê duyệt dự án

a) Căn cứ ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất.

b) Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ phải bao gồm: Tên dự án, phương án; đại diện cộng đồng và danh sách cộng đồng tham gia dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây

trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); hình thức, mức quay vòng (nếu có); giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

### **3. Các bước xây dựng, phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ sản xuất theo nhiệm vụ**

#### **3.1. Bước 1: Khảo sát, xây dựng dự án, phê duyệt dự án**

Cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất: Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư từng chương trình mục tiêu quốc gia; các quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia; kế hoạch, hoặc dự toán ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan, phê duyệt dự án, đề án mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

Nội dung phê duyệt dự án, đề án mô hình phải làm rõ các nội dung: Tên dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng được hỗ trợ từ dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết theo từng nhiệm vụ, hoạt động; các nội dung, hoạt động, nhiệm vụ cần đặt hàng, hoặc giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu (theo từng nội dung hoặc tổng thể các nội dung); dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); các nội dung khác theo quy định của cơ quan chủ quản chương trình.

3.2. Bước 2: Thông báo rộng rãi kế hoạch lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ, lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ thực hiện dự án, đề án mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị.

3.3. Bước 3: Tổ chức lựa chọn, ban hành quyết định giao nhiệm vụ với bên được giao nhiệm vụ, hoặc ký hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng, bên trúng thầu thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định.

### **4. Các bước xây dựng, phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ sản xuất đặc thù**

#### **4.1. Bước 1: Khảo sát, xây dựng dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt**

Các bộ, cơ quan trung ương được giao kinh phí thực hiện hoạt động mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất giao cho cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án mô hình giảm nghèo tổ chức khảo sát, xây dựng dự án, bao gồm: tên đơn vị đề xuất dự án, loại mô hình, mục tiêu, đối tượng tham gia, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, nội dung, kinh phí, kế hoạch triển khai theo Mẫu số 04 kèm theo Thông tư 09/2022/TT-BLĐTBXH; trình Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định phê duyệt dự án.

## 4.2. Bước 2: Ký hợp đồng đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ

Cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện dự án.

### **III. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN DỰ ÁN**

#### **1. Bước 1: Chuẩn bị**

##### 1.1. Thời gian thực hiện

Sau khi đơn vị chủ trì thực hiện Dự án ký hợp đồng với chủ đầu tư Dự án.

##### 1.2. Nội dung thực hiện

###### a) Xây dựng, phê duyệt Kế hoạch thực hiện Dự án

Đơn vị chủ trì thực hiện Dự án xây dựng và phê duyệt Kế hoạch thực hiện Dự án. Kế hoạch cần làm rõ: nội dung, phương thức thực hiện; thời gian, địa điểm (nếu có); đơn vị, cá nhân chủ trì, tham gia, phối hợp; kết quả thực hiện. Kế hoạch bao gồm các hoạt động sau:

- Thông báo, khảo sát, lựa chọn đối tượng tham gia Dự án.
- Xây dựng, phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ, cây, con giống, vật tư, nguyên liệu... để thực hiện Dự án (nếu có).
- Bồi dưỡng, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật thực hiện Dự án.
- Cấp phát cây, con giống, vật tư, nguyên liệu... cho đối tượng được hỗ trợ của Dự án.
- Hỗ trợ kỹ thuật.
- Kiểm tra, giám sát đánh giá thực hiện dự án.
- Báo cáo kết quả thực hiện Dự án;
- Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng thực hiện Dự án.

###### b) Kết quả

- Quyết định phê duyệt Kế hoạch thực hiện Dự án.
- Phân công các thành viên chịu trách nhiệm theo dõi triển khai thực hiện Dự án.

#### **2. Bước 2: Khảo sát, lựa chọn đối tượng tham gia Dự án**

##### **2.1. Thời gian thực hiện**

Sau khi phê duyệt Kế hoạch thực hiện Dự án



## **2.2. Nội dung thực hiện**

- Thông báo, phổ biến nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ, cơ chế đối ứng, quay vòng (nếu có), đối tượng được tham gia dự án trên đài truyền thanh xã nơi triển khai dự án (nếu có).

- Cấp mẫu giấy đăng ký tham gia dự án; nhận giấy đăng ký tham gia dự án của các đối tượng có nhu cầu tham gia dự án.

- Tổ chức họp thôn/bản/xã để phổ biến chi tiết nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ, đối tượng được tham gia dự án; lựa chọn các hộ dân đáp ứng được điều kiện hỗ trợ của Dự án theo đúng tiêu chuẩn, số lượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thành phần tham dự họp: Đại diện đơn vị chủ trì thực hiện Dự án, đại diện chính quyền địa phương (UBND xã/phường/thị trấn; trưởng thôn/ấp), đại diện hội đoàn thể nơi triển khai dự án và đại diện chủ đầu tư (nếu có).

## **2.3. Kết quả**

- Lập danh sách hộ đăng ký tham gia Dự án (có xác nhận của UBND xã/phường/thị trấn nơi triển khai Dự án) kèm theo Giấy đăng ký tham gia dự án; cam kết đối ứng; giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng tham gia dự án.

- Biên bản họp (có chữ ký của đại diện đơn vị chủ trì Dự án, chính quyền địa phương, đại diện đối tượng tham gia Dự án).

## **3. Bước 3: Bồi dưỡng kiến thức, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật**

### **3.1. Thời gian thực hiện**

Trước khi phân phát cây, con giống, vật tư, nguyên liệu... hoặc trong quá trình thực hiện Dự án phù hợp với quy trình, tiến độ sản xuất, dịch vụ được xác định trong Dự án.

### **3.2. Nội dung thực hiện**

- Thành phần: Người lao động thuộc các hộ được nhận hỗ trợ từ Dự án; cán bộ làm công tác giảm nghèo, cán bộ khuyến nông, khuyến công trên địa bàn triển khai Dự án,

- Số lượng: Không vượt quá số lượng đã được phê duyệt trong Dự án.

- Nội dung: Bồi dưỡng kiến thức, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất, dịch vụ; tập huấn, chuyển giao kỹ thuật thu hoạch, sơ chế, bảo quản, thị trường, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ; các nội dung khác phù hợp với yêu cầu của Dự án.

### **3.3. Kết quả**

- 100% hộ tham gia dự án có lao động được tham gia tập huấn; nắm bắt được nội dung về lý thuyết, kỹ thuật chuyển giao để áp dụng vào sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi kinh doanh dịch vụ theo yêu cầu của Dự án.

- Có biên bản, báo cáo kết quả các lớp tập huấn theo quy định.

#### **4. Bước 4: Tổ chức đấu thầu, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, cây, con giống, vật tư, nguyên liệu... để thực hiện Dự án**

##### 4.1. Thời gian thực hiện

Trước khi cấp phát cây, con giống, vật tư, nguyên liệu phù hợp với chu trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

##### 4.2. Yêu cầu

a) Việc mua sắm cây, con giống, vật tư, nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu; đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và quy định pháp luật có liên quan trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Riêng đối với dự án được hỗ trợ theo cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hoặc hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện như sau:

- Trường hợp đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ giao kinh phí từ ngân sách nhà nước cho chủ trì liên kết, đại diện cộng đồng thực hiện, việc mua sắm theo quy định tại Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền và hợp đồng đã ký kết với đơn vị được giao vốn thực hiện dự án, chủ trì liên kết, người đại diện cộng đồng tự thực hiện việc mua sắm và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chứng từ liên quan trong việc thực hiện dự án cho đơn vị được giao vốn thực hiện dự án để thanh quyết toán và lưu giữ chứng từ theo quy định.

- Trường hợp đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trực tiếp thực hiện việc mua sắm theo quy định tại Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền, đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tổ chức đấu thầu thực hiện việc mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu và bàn giao sản phẩm, dịch vụ cho chủ trì liên kết, đại diện cộng đồng theo hợp đồng đã ký kết với chủ trì liên kết, đại diện cộng đồng.

- Đối với mua sắm giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa, dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án. Đơn giá thu mua sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tính theo giá thị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán với người dân.

b) Cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa, dịch vụ để thực hiện Dự án phải đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng, chủng loại theo Dự án đã được phê duyệt.

##### 4.3. Nội dung thực hiện mua sắm theo hình thức đấu thầu:

- Lập kế hoạch, phê duyệt kế hoạch đấu thầu, mua sắm cây, con giống, vật tư, nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ.

- Lập, phê duyệt hồ sơ mời thầu, mua sắm, hàng hóa dịch vụ.

- Tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

- Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
- Thương thảo, ký kết hợp đồng.
- Triển khai thực hiện hợp đồng.

4.4. Nội dung thực hiện mua sắm giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa, dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án

- Lập kế hoạch, phê duyệt kế hoạch mua sắm.
- Ký kết hợp đồng mua bán, giấy biên nhận mua bán với người dân có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

#### 4.5. Kết quả

Các hợp đồng, hồ sơ, chứng từ mua sắm hàng hóa, dịch vụ, cây, con giống, vật tư, nguyên liệu... để thực hiện Dự án.

### **5. Bước 5: Cấp phát cây, con giống, vật tư, nguyên liệu... cho đối tượng tham gia Dự án**

#### 5.1. Thời gian thực hiện

Trước, trong quá trình thực hiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

#### 5.2. Nội dung thực hiện

- Tổ chức cấp phát cây, con giống, vật tư, nguyên liệu... cho đối tượng tham gia dự án: Việc cấp phát có thể chia làm 1 lần hoặc nhiều lần phù hợp với tiến độ thực hiện Dự án cũng như quy trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Thành phần tham gia: Đại diện đơn vị chủ trì thực hiện Dự án, chủ đầu tư (nếu có), UBND xã, thôn/ấp/bản và các đối tượng nhận hỗ trợ của Dự án.

- Yêu cầu:

+ Công khai, minh bạch, kịp thời vụ.

+ Cấp phát đúng số lượng, tiêu chuẩn định mức, chất lượng cây, con giống, vật tư, nguyên liệu... theo đúng yêu cầu của Dự án.

+ Lập bảng kê cấp phát cây, con giống, vật tư, nguyên liệu... Bảng kê phải đầy đủ số lượng, chủng loại, đơn giá, giá trị hàng hóa cấp phát, họ và tên, chữ ký của người nhận, chữ ký của đại diện bên giao, đại diện UBND cấp xã.

#### 5.3. Kết quả

- Các hộ tham gia dự án được nhận đầy đủ số lượng, chủng loại cây, con giống, vật tư, nguyên liệu... đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của Dự án.

- Các bảng kê cấp phát cây, con giống, vật tư, nguyên liệu đảm bảo đầy đủ các thông tin theo yêu cầu, có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện đơn vị chủ trì

thực hiện dự án, đại diện đơn vị cung cấp (nếu có), đại diện các hộ tham gia dự án và đại diện UBND cấp xã nơi triển khai dự án.

## **6. Bước 6: Hỗ trợ kỹ thuật cho các đối tượng tham gia Dự án**

### 6.1. Thời gian thực hiện

Trong suốt quá trình thực hiện dự án phù hợp với quy trình, tiến độ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

### 6.2. Nội dung thực hiện

- Hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kỹ thuật làm đất, làm chuồng trại; kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi; kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh; kỹ thuật thu hoạch, sơ chế, bảo quản...

- Yêu cầu: Bố trí đủ cán bộ có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Dự án, có kỹ năng hỗ trợ, tư vấn trực tiếp cho người dân tại thực địa.

### 6.3. Kết quả

- Đảm bảo 100% các hộ gia đình tham gia dự án được cán bộ hỗ trợ kỹ thuật tại thực địa; ngăn ngừa, hạn chế và kịp thời xử lý những tình huống rủi ro phát sinh.

- Báo cáo kết quả hỗ trợ kỹ thuật bằng văn bản.

## **7. Bước 7: Kiểm tra, giám sát thực hiện dự án.**

### 7.1. Thời gian thực hiện

Trong suốt thời gian thực hiện dự án.

### 7.2. Nội dung thực hiện

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các khâu kỹ thuật của các hộ tham gia dự án, đánh giá tình hình sản xuất, kinh doanh - dịch vụ; có biện pháp xử lý, hỗ trợ kịp thời cho người dân nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

- Thành phần tham gia: Đại diện đơn vị chủ trì thực hiện Dự án; đại diện chủ đầu tư (nếu có); đại diện chính quyền địa phương nơi triển khai dự án.

### 7.3. Kết quả

Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình sản xuất, kinh doanh - dịch vụ theo từng đợt kiểm tra, giám sát.

## **8. Bước 8: Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Dự án làm căn cứ nghiệm thu từng phần hoặc toàn bộ Dự án**

### 8.1. Thời gian thực hiện

Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm để làm căn cứ nghiệm thu, giải ngân, kết thúc năm tài chính.

## 8.2. Nội dung thực hiện

- Đánh giá toàn bộ kết quả triển khai thực hiện 7 bước trên. Trong đó, đánh giá cụ thể tình hình sản xuất, kinh doanh - dịch vụ, kết quả đối ứng của người dân, công tác phối hợp giữa đơn vị chủ trì thực hiện dự án với chủ đầu tư, chính quyền địa phương và các hộ tham gia dự án, những thuận lợi, khó khăn, hiệu quả của dự án...

- Lập bảng kê toàn bộ chi phí thực hiện dự án làm căn cứ để thanh quyết toán thực hiện dự án.

- Tổ chức nghiệm thu từng phần hoặc toàn bộ Dự án.

- Thanh lý hợp đồng (nếu có).

## 8.3. Kết quả

- Báo cáo kết quả thực hiện dự án (kèm theo bảng kê thanh quyết toán kinh phí thực hiện dự án).

- Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng./.

---

In 866 quyển, khổ  $21 \times 29,7$ cm. Tại Công ty TNHH Quảng Ích In 105 Tuyên Quang.  
Địa chỉ: Km 5 đường Tuyên Quang đi Hà Giang, thôn 4, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.  
Giấy phép xuất bản số: ....GP-STTTT. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang cấp ngày .....



